**BÀI 25: VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức :**

* Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội.
* Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.
* Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

**2. Kĩ năng**

* Xác định trên bản đồ vị trí, giới hạn của vùng.
* Phân tích bản đồ tự nhiên, dân cư và các số liệu để biết đặc điểm tự nhiên, dân cư của vùng.

**3. Thái độ**:

* Giáo dục cho học sinh biết sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý.
* Bồi dưỡng cho học sinh ý thức xây dựng và bảo vệ quê hương.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên**

*-* Bản đồ tự nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.

**2. Đối với học sinh:**

- Át lát địa lý Việt Nam + Tranh ảnh về vùng duyên hải Nam Trung Bộ

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

**1. Ổn định và kiểm tra bài cũ**

Liệt kê những thành tựu và khó khăn trong phát triển kinh tế của Bắc Trung Bộ.

**2. Tiến trình dạy học**

**VÙNG DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

**HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu vị trí địa lý và giới hạn lãnh thổ của vùng và ý nghĩa**

1. *Mục tiêu:*

* Kiến thức**:** Nhận biết vị trí địa lý, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội.
* Kĩ năng: Xác định trên bản đồ vị trí, giới hạn của vùng.

*2. Phương pháp/ kỹ thuật dạy học*

- Thuyết trình; Pháp vấn, đàm thoại.

1. *Các bước hoạt động*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung chính** |
| **Bước 1**: GV treo Lược đồ vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, giới thiệu phạm vi vùng Duyên hải Nam Trung Bộ.  **Bước 2**: Gọi Hs lên bảng:  1. Xác định vị trí, giới hạn lãnh thổ của vùng.  2. Nêu tên các tỉnh theo thứ tự từ Bắc vào Nam. Tỉnh nào giáp với Lào?  3. Với vị trí địa lí của vùng như trên có tầm quan trọng như thế nào trong sự phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng.  **Bước 3**: Hs trả lời, Gv chốt kiến thức. | **I. Vị trí địa lý và giới hạn**  - Vùng lãnh thổ hẹp ngang, kéo dài từ Đà Nẵng đến Bình Thuận.  - Có nhiều đảo quần đảo (Hoàng Sa và Trường Sa)  => Là cầu nối giữa Bắc - Nam giữa Tây Nguyên với Biển Đông; thuận lợi cho lưu thông và trao đổi hàng hóa. Là cửa ngõ rất quan trọng trong bảo vệ an ninh quốc phòng. |

**HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**

1. *Mục tiêu:*

* Kiến thức**:** Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.
* Kĩ năng: Phân tích bản đồ tự nhiên để biết đặc điểm tự nhiên của vùng.

1. *Phương pháp/ kỹ thuật dạy học*

- Thảo luận nhóm.Kỹ thuật động não/ động não viết/ Kỹ thuật tia chớp.

1. *Các bước hoạt động*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung chính** |
| **Bước 1:** Gv chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu quan sát lược đồ SGK, kết hợp với Átlát địa lý trang 28; áp dụng kỹ thuật XYZ (435) yêu cầu thành viên mỗi nhóm trong 5’ viết ra 3 mặt thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế. Sau đó thu thập ý kiến, đánh giá và hoàn thiện bảng.  *Nhóm 1:* Tìm hiểu địa hình – khoáng sản  Địa hình và khoáng sản của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ thuận lợi, khó khăn gì cho phát triển kinh tế.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Địa hình, khoáng sản | Thuận lợi phát triển kinh tế | Khó khăn phát triển kinh tế | |  |  |  |   *Nhóm 2:* Khí hậu  Cho biết khí hậu của vùng có thuận lợi và khó khăn như thế nào cho sản xuất nông nghiệp.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đặc điểm  khí hậu | Thuận lợi cho sản xuất nông nhiệp | Khó khăn sản xuất nông nghiệp | |  |  |  |   *Nhóm 3*: Tài nguyên biển – rừng  Hãy nêu giá trị của biển đảo và rừng trong việc phát triên kinh tế của vùng   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tài nguyên biển – rừng | Thuận lợi phát triển kinh tế | Khó khăn | |  |  |  |   *Nhóm 4:* Đất  Hãy cho biết ý nghĩa của đất trong việc phát triển các ngành nông nghiệp của vùng .   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Tài nguyên đất | Thuận lợi phát triển kinh tế | Khó khăn | |  |  |  |   **Bước 2:** Đại diện của từng nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, Gv chốt kiến thức:  *- Thiên nhiên có sự khác nhau giữa phía đông và phía tây.*  **Bước 3:** GV sử dụng Kỹ thuật tia chớp, yêu cầu thành viên các nhóm lần lượt nêu ngắn gọn và nhanh chóng (nhanh như chớp) ý kiến của mình về vấn đề:  ? Để hạn chế những khó khăn do khí hậu mang lại, cần có những biện pháp gì?  ? Tại sao vấn đề bảo vệ rừng có tầm quan trọng đặc biệt ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ.  Bước 4: GV chốt kiến thức. | **II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên**  ***1. Địa hình- khoáng sản***  - Núi cao ăn ra sát biển, đb nhỏ hẹp, bị chia cắt từng ô, bờ biển có nhiều vũng vịnh.  ***2. Khí hậu*** nhiệt đới gió mùa mang sắc thái cận xích đạo.  - Thường xuyên bị thiên tai, hạn hán, bão lụt..  ***3. Biển*** có nhiều thế mạnh về kinh tế biển và du lịch..  ***4. Diện tích rừng:*** còn lại rất ít, nguy cơ mở rộng diện tích hoang mạc cao  🡪Thuận lợi: phát triển du lịch, xây dựng cảng nước sâu…  🡪Khó khăn: Nhiều thiên tai |

**HOẠT ĐỘNG 3: Tìm hiểu Đặc điểm dân cư – xã hội**

1. *Mục tiêu:*

* Kiến thức**:** Trình bày được đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

*-* Kĩ năng:Phân tích bản đồ dân cư và các số liệu để biết dân cư của vùng.

1. *Phương pháp/ kỹ thuật dạy học*

- Thảo luận nhóm đôi. Pháp vấn, thuyết trình, đàm thoại

1. *Các bước hoạt động*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung chính** |
| **Bước 1:** Gv yêu cầu Hs hoạt động theo cặp phân tích bảng 25.1 tr 92 SGK và Atlat địa lý Việt Nam hoàn thành bảng kiến thức sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Chỉ tiêu | So với  cả nước | Thế mạnh phát triển kinh tế | | Mật độ dân số |  |  | | Tỉ lệ gia tăng tự nhiên |  | | Tỉ lệ hộ nghèo |  | | Thu nhập bình quân đầu người |  | | Tuổi thọ trung bình |  | | Tỉ lệ dân thành thị |  |   Bước 2.Gv yêu cầu Hs hoạt động theo cặp phân tích bảng 25.1 tr 92 SGK và Atlat địa lý Việt Nam  1. Nhận xét sự tương phản trong cư trú, phân bố dân cư và hoạt động kinh tế giữa đồng bằng ven biển và vùng núi gò đồi phía Tây. So sánh với Bắc Trung Bộ.  2. Vùng có những tài nguyên du lịch nào. Xác định trên bản đồ.  **Bước 3**: Hs trả lời, Gv chốt kiến thức. | **III. Đặc điểm dân cư xã hội**  - Nguồn lao động dồi dào, giàu kinh nghiệm.  - Sự phân bố dân cư và hoạt động kinh tế có sự khác nhau giữa đồng bằng ven biển (phía đông) và vùng núi gò đồi (phía Tây)  - Vùng có nhiều địa điểm du lịch hấp dẫn: di tích văn hoá-lịch sử như phố cổ Hội An, di tích Mĩ Sơn, tháp Chàm . |

**HOẠT ĐỘNG TIẾP NỐI**

**1. Củng cố**

Câu 1: Sắp xếp các ý ở cột A với cột B sao cho đúng

|  |  |
| --- | --- |
| Đảo, huyện đảo, vịnh biển | Tỉnh thành phố |
| 1. Đảo Phú Quí 2. Huyện đảo Hoàng Sa 3. Đảo Lý Sơn 4. Huyện đảo Trường Sa 5. Vịnh Dung Quất 6. Vịnh Vân phong 7. Vịnh Cam Ranh | * 1. Đà Nẵng   2. Quảng Nam   3. Quảng Ngãi   4. Bình Định   5. Phú Yên   6. Khánh Hòa   7. Ninh Thuận   8. Bình Thuận |

Câu 2: Việc bảo vệ và phát triển rừng có tầm quan trọng đặc biệt ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ, đó là do ở cực Nam Trung Bộ

a. Hiện tượng sa mạc hoá ngày càng mở rộng.

b. Khí hậu khô hạn nhất trong cả nước

c. Nguồn nước mặt, nước ngầm nghèo

d. Cả 3 ý trên đều đúng.

Câu 3. Các địa danh văn hóa, lịch sử được UNESCO công nhận là di sản của nhân loại ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là:

a. Núi Thành – Phố cổ Hội An b. Thành Đồ Bàn – Tháp Chàm

c. Di tích Mỹ Sơn – Phố cổ Hội An d. Trà Kiệu – Cổ Lũy

Câu 4: Nhân dân vùng DHNTB sử dụng tài nguyên thiên nhiên Gò đồi – Đồng bằng – Biển và hải đảo như thế nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Vùng gò đồi | Đồng bằng | Biển và hải đảo |
| a. | Làm nghề rừng;  Nuôi gia súc lớn | Trồng cây lương thực Công nghiệp, thương mại, dịch vụ | Đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản, chế biến hải sản, khai thác tổ yến |
| b. | Trồng cây công nghiệp hàng năm, chăn nuôi | Trồng cây công nghiệp lâu năm, làm dịch vụ | Đánh bắt, chế biến hải sản |
| c. | Trồng cây lương thực, nuôi trâu bò | Buôn bán, dịch vụ, du lịch biển | Nuôi trồng, đánh bắt hải sản. |
| d. | Nuôi trâu bò đàn, trồng cây công nghiệp | Trồng lúa. Làm mọi dịch vụ | Phát triển đánh bắt xa bờ, chế biến hải sản |

**2. Kiểm tra, đánh giá:**

Câu 1: Hoàn thiện bảng kiến thức về những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế do điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên cũng như điều kiện dân cư của vùng duyên hải Nam Trung Bộ mang lại:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Thuận lợi | Khó khăn |
| Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên |  |  |
| Điều kiện dân cư – xã hội |  |  |

Câu 2: Tại sao lại phải đẩy mạnh công tác giảm nghèo ở vùng phía tây***?***

Câu 3: Tại sao du lịch lại thế mạnh của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ***?***

**3. Chuẩn bị bài học tiếp theo**

- Học bài & chuẩn bị bài 26.